

|  |  |
| --- | --- |
| **A group of logos with letters  Description automatically generated** | **LIÊN DANH NAGECCO – ĐẠT PHƯƠNG**  **(CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP**  **VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẠT PHƯƠNG)** |

**THUYẾT MINH TÓM TẮT**

**QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG**

**HUYỆN HOÀI ÂN – TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN ĐẾN 2050**

Hoài Ân, năm 2023

# Phạm vi ranh giới, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

## *a) Vị trí, phạm vi ranh giới:* Phạm vi ranh giới lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoài Ân trên toàn bộ ranh giới hành chính huyện Hoài Ân bao gồm thị trấn Tăng Bạt Hổ và 14 xã (Ân Hảo Đông, Ân Hảo Tây, Ân Tín, Ân Mỹ, Ân Thạnh, Ân Phong, Ân Đức, Ân Tường Tây, Ân Tường Đông, Ân Hữu, Ân Nghĩa, Bok Tới, Đak Mang, Ân Sơn). Có giới cận như sau:

* Phía Bắc giáp thị xã Hoài Nhơn và huyện An Lão;
* Phía Nam giáp huyện Vĩnh Thạnh và huyện Phù Cát;
* Phía Đông giáp thị xã Hoài Nhơn và huyện Phù Mỹ;
* Phía Tây giáp huyện Vĩnh Thạnh và huyện An Lão.

## *b) Quy mô, thời hạn lập quy hoạch:*

* Quy mô diện tích: khoảng 753,198 km2.
* Thời hạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; giai đoạn dài hạn đến năm 2035; tầm nhìn định hướng đến năm 2050.

# Tầm nhìn, mục tiêu, tính chất phát triển vùng:

## *Tầm nhìn*

* Đến năm 2030: huyện phát triển mạnh về kinh tế nông lâm nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại; phát triển các đô thị có tiềm năng kết nối mạnh với hành lang kinh tế QL.1.
* Đến năm 2035: huyện đạt chuẩn nông thôn mới với các khu vực nông thôn và đô thị phát triển ổn đinh; hệ thống hạ tầng được đầu tư đầy đủ và hiện đại; hình thành hệ thống giao thông đa hướng kết nối Hoài Ân – Hoài Nhơn – Phù Mỹ - Phù Cát – Vĩnh Thạnh – An Lao.
* Đến năm 2050: hướng đến “Hoài Ân tươi đẹp”, nơi cung cấp không gian sống hấp dẫn, hài hòa các yếu tố: môi trường kinh tế - môi trường sinh thái tự nhiên – môi trường nhân văn.

## *Tính chất phát triển vùng*

* Là đô thị tiểu vùng phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, chế biến công nghệ cao tại phía Bắc tỉnh Bình Định.
* Là một trong những trung tâm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội thị xã Hoài Nhơn và ngược lại, có các chức năng chính là sản xuất nông lâm nghiệp công nghệ cao, thương mại dịch vụ.

# Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng:

## *Dự báo phát triển dân số:*

* Dân số hiện trạng khu vực khoảng 86.775 người;
* Đến năm 2030 khoảng 90.000 người;
* Đến năm 2035 khoảng 110.000 người.

## *Dự báo tỷ lệ đô thị hóa:* đến năm 2030 khoảng 18,89%; đến năm 2035 khoảng 26,64%.

* Dự kiến, nâng cấp xã Ân Mỹ lên đô thị trong giai đoạn từ năm 2030 đến 2035, tăng tỷ lệ đô thị hóa toàn huyện, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng tỷ trọng công nghiệp xây dựng và thương mại dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản.
* Định hướng quy mô dân số đô thị, tỷ lệ đô thị hóa và khu vực nông thôn theo bảng dưới đây:

**Bảng thống kê dân số, tỷ lệ đô thị hóa và quy mô đất xây dựng dự kiến**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Năm 2022** | **Đến 2030** | **Đến 2035** |
| 1 | Dân số đô thị | người | 8.086 | 18.700 | 29.300 |
| 2 | Dân số nông thôn | người | 78.689 | 80.300 | 80.700 |
| 3 | Tỷ lệ đô thị hóa | % | 9,3 | 18,89 | 26,64 |
|  | **Tổng cộng** | **người** | **86.775** | **99.000** | **110.000** |
| 4 | Đất xây dựng đô thị | ha | **200** | **500 – 800** | **800 – 1.000** |
| 5 | Đất phát triển điểm dân cư nông thôn | ha | **700 - 750** | **1.600 – 1.700** | **1.700 – 1.800** |

# Xác định các trụ cột kinh tế chính của huyện:

## *Các trụ cột tăng trưởng:*

* (1) Phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản tại các hồ thủy lợi gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường nước và quỹ rừng vốn có hiện nay; phát triển chăn nuôi gia cầm, gia súc và trồng rừng gỗ lớn cung cấp nguồn nguyên liệu, thực phẩm cho thị trường phía Nam của tỉnh; hướng tới nông nghiệp sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
* (2) Phát triển đô thị bền vững, đô thị hóa tại các xã Ân Tường Tây, xã Ân Mỹ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho huyện cũng như tỉnh Bình Định.
* (3) Phát triển thương mại – dịch vụ phục vụ đô thị và cho huyện, trung tâm thương mại – dịch vụ tại thị trấn Tăng Bạt Hổ và trung tâm thông tin du lịch tại thị trấn Tăng Bạt Hổ, xã Ân Nghĩa.
* Cơ cấu kinh tế theo thứ tự ưu tiên: Nông lâm nghiệp, thủy sản – thương mại, dịch vụ - công nghiệp.

## *Các định hướng đột phá chiến lược:*

* (1) Xây dựng hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ:
  + Ưu tiên hạ tầng giao thông, đặc biệt là tăng cường kết nối giao thông với các khu vực có nhiều tiềm năng về du lịch rừng, du lịch mạo hiểm vào các khu vực có khí hậu ôn đới;
  + Tăng cường kết nối giao thông đa hướng về phía Tây - Vĩnh Thạnh; phía Bắc – Hoài Nhơn, An Lão; phía Đông – Phù Mỹ, Phù Cát và tuyến kết nối từ Hồ Phú Khương đến ĐT.638.
  + Bổ sung kết nối từ Ân Tín và Dak Mang tạo thành một hành lang du lịch liên kết xuyên suốt trong khu vực cũng như là kết nối với cụm du lịch Hoài Nhơn và vùng phụ cận; kết nối với huyện Phù Cát sau đó kết nối vào cảng hàng không Phù Cát.
  + Hoàn thiện, kết nối hệ thống hạ tầng viễn thông vô tuyến và hữu tuyến với khu vực vùng sâu vùng xa, hỗ trợ phát triển kinh tế du lịch; hỗ trợ đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm tiếp thị quảng bá nét hoang sơ nguyên bản của cảnh quan, môi trường của các khu vực này.
* (2) Tạo chuyển biến về môi trường đầu tư, phát huy thế mạnh về cảnh quan và tài nguyên du lịch, thế mạnh về vùng nguyên liệu,… Tăng tính cạnh tranh đặc thù của địa phương so với các địa phương khác trong vùng phía Bắc của tỉnh.
* (3) Đào tạo, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, dần tiếp thu công nghệ, khoa học kỹ thuật trước mắt là trong lĩnh vực nông nghiệp; ứng dụng vào khâu nuôi trồng, bảo quản sau thu hoạch và tiếp thị tới thị trường tiêu dùng; trong lĩnh vực du lịch cộng đồng; Nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, tạo dựng chính sách gắn liền với bảo vệ môi trường và quyền lợi vật chất của cộng đồng, dần hình thành các khu vực dân cư gắn liền với các cánh rừng nguyên sinh, các khu vực trồng rừng gỗ lớn, các khu vực “zero carbon”, đáp ứng thị trường mua bán chứng chỉ carbon,…

# Định hướng phân vùng phát triển

* Trên cơ sở quy hoạch tỉnh, phương án phát triển kinh tế - xã hội huyện Hoài Ân, các đặc điểm tự nhiên, địa hình khu vực, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và khả năng kết nối; đặc biệt các hành lang kinh tế đô thị, định hướng huyện Hoài Ân thành 02 vùng phát triển chính, dự kiến như sau:
  + Vùng 1: Vùng phát triển phía Đông;
  + Vùng 2: Vùng phát triển phía Tây.

## *Vùng 1 – Vùng phát triển phía Đông:*

* Là vùng phát triển kinh tế xã hội chủ đạo của huyện, đây là khu vực tập trung phát triển thương mại dịch vụ, đô thị, công nghiệp; phát triển nông lâm nghiệp kết hợp chăn nuôi ứng dụng công nghiệp cao và các loại hình du lịch xanh.
* Phân vùng tập trung tại 10 địa phương bao gồm các xã Ân Thạnh, Ân Đức, Ân Phong, Ân Tường Tây, Ân Tường Đông, Ân Hảo Tây, Ân Hảo Đông, Ân Tín, Ân Mỹ và thị trấn Tăng Bạt Hổ.
* Quy mô diện tích khoảng: 323,03 km2.
* Quy mô dân số dự kiến đến năm 2035: 85.100 người.
* Toàn phân vùng có 1 trung tâm và 2 tiểu vùng:
  + Trung tâm của vùng là thị trấn Tăng Bạt Hổ: đây là đô thị tổng hợp; trung tâm của huyện có vai trò hỗ trợ, cung cấp hệ thống hạ tầng cấp vùng; là đầu mối giao lưu kinh tế của huyện với các đơn vị hành chính khác trong địa bàn tỉnh; đồng thời là trung tâm tiểu vùng chức năng số 1.
  + 02 tiểu vùng gồm tiểu vùng số 1, tiểu vùng số 2; là các xã, thị trấn có các khu vực trung tâm tương đối tập trung, liên hệ với thị trấn Tăng Bạt Hổ khá thuận lợi, bổ sung xã Ân Tường Tây và Ân Mỹ có chức năng hỗ trợ về phát triển thương mại dịch vụ, du lịch, trung tâm hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn của huyện.
* Tiểu vùng 1 – Tiểu vùng phát triển phía Nam sông An Lão
* Là vùng phát triển trọng điểm của huyện Hoài Ân; trung tâm văn hóa – chính trị, kinh tế tổng hợp, phát triển đô thị, giáo dục, thương mại dịch vụ, công nghiệp và là đầu mối giao lưu với các địa phương lân cận, liên kết chặt chẽ với sự phát triển chung của toàn vùng. Tập trung tại 6 địa phương phía Đông của huyện (Ân Thạnh, Ân Đức, Ân Phong, Ân Tường Tây, Ân Tường Đông và thị trấn Tăng Bạt Hổ) có tứ cận:
  + Bắc giáp xã Ân Tín, Ân Mỹ;
  + Nam giáp xã Ân Nghĩa và xã Cát Sơn – Phù Cát;
  + Đông giáp huyện Phù Mỹ;
  + Tây giáp xã Ân Hữu, Ân Nghĩa.
* Quy mô của tiểu vùng:
  + Quy mô diện tích khoảng: 195,71 km2;
  + Quy mô dân số đến năm 2030: 49.300 người;
  + Quy mô dân số đến năm 2035: 54.800 người.
* Định hướng phát triển tiểu vùng:
  + Trung tâm tiểu vùng là thị trấn Tăng Bạt Hổ.
  + Phát triển Ân Tường Tây thành đô thị loại V đến năm 2030, tập trung trên hướng ĐT.630 kết nối với thị trấn Tăng Bạt Hổ và ĐT.638 ở phía Đông kết nối về huyện Phù Mỹ.
  + Phát triển đô thị gắn liền với phát triển thương mại dịch vụ dọc các tuyến ĐT.630, ĐT.638; phát triển khu vực Phú Văn Ân Thạnh và khu vực hợp lưu giữa sông An Lão và sông Kim Sơn (khu vực Mõm Nhái) trở thành khu vực thương mại – dịch vụ - đô thị.
  + Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại khu vực.
  + Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cụm công nghiệp Dốc Truông Sỏi, Du Tự.
  + Phát triển nông nghiệp phục vụ đô thị.
* Định hướng phát triển khu vực nông thôn:
  + Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng trung tâm các xã Ân Thạnh, Ân Đức, Ân Phong, Ân Tường Đông.
  + Bổ sung hạ tầng nông thôn toàn xã bao gồm hoàn thiện hệ thống thủy lợi, thu gom rác thải, nghĩa trang theo quy hoạch chung xã cấp nước sạch nông thôn theo hướng tập trung, sử dụng trạm cấp chính tại thị trấn Tăng Bạt Hổ, có bổ sung các trạm phụ tại các điểm dân cư trong xã.
  + Xây dựng hệ thống trường mầm non, tiểu học và THCS đạt chuẩn quốc gia. Xây dựng mới trường THCS Ân Phong.
* Tiểu vùng 2 – Tiểu vùng phát triển phía Bắc sông An Lão
* Là khu vực phát triển nông nghiệp kết hợp phát triển du lịch. Nằm ở phía Bắc huyện, tập trung tại 4 địa phương (xã Ân Hảo Đông, Ân Hảo Tây, Ân Mỹ và Ân Tín) có tứ cận:
  + Bắc giáp xã An Hòa – An Lão;
  + Nam giáp xã Ân Thạnh, Ân Đức;
  + Đông giáp đô thị Hoài Nhơn;
  + Tây giáp xã Ân Sơn.
* Quy mô của tiểu vùng:
  + Quy mô diện tích khoảng: 127,32 km2;
  + Quy mô dân số đến năm 2030: 27.700người;
  + Quy mô dân số đến năm 2035: 30.300 người.
* Định hướng phát triển tiểu vùng:
  + Phát triển mô hình trang trại, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hưu cơ bao gồm các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi lợn, gia súc lớn,...
  + Phát triển du lịch khám phá, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm nông nghiệp,...
  + Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất công nghiệp chế biến nông lâm sản tại cụm công nghiệp Gò Bằng.
  + Phát triển Ân Mỹ thành đô thị loại V đến năm 2035, tập trung trên hướng ĐT.629 kết nối với đô thị Hoài Nhơn và 2 bên sông An Lão.
* Định hướng phát triển khu vực nông thôn:
  + Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng trung tâm các xã Ân Hảo Đông, Ân Hảo Tây, Ân Tín.
  + Bổ sung hạ tầng nông thôn toàn xã bao gồm hoàn thiện hệ thống thủy lợi, thu gom rác thải, nghĩa trang theo quy hoạch chung xã cấp nước sạch nông thôn theo hướng tập trung, sử dụng trạm cấp chính tại thị trấn Tăng Bạt Hổ, có bổ sung các trạm phụ tại các điểm dân cư trong xã.
  + Xây dựng hệ thống trường mầm non, tiểu học và THCS đạt chuẩn quốc gia.

## *Vùng 2 – Vùng phát triển phía Tây*

* Là vùng bảo tồn sinh thái tự nhiên (hệ sinh thái rừng gỗ lớn, môi trường đất, môi trường nước,…); phát triển nông lâm nghiệp kết hợp chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao và kết hợp phát triển các loại hình du lịch khám phá, trải nghiệm.
* Phân vùng tập trung tại 5 địa phương bao gồm các xã Ân Hữu, Ân Nghĩa, Bok Tới, Dak Mang, Ân Sơn. Có tứ cận:
  + Bắc giáp xã An Nghĩa – An Lão;
  + Nam giáp xã Ân Thạnh, Ân Đức;
  + Đông giáp huyện Vĩnh Thạnh và Phù Cát;
  + Tây giáp huyện Vĩnh Thạnh và An Lão.
* Quy mô diện tích khoảng: 430,18 km2.
* Quy mô dân số dự kiến đến năm 2030: 22.000 người.
* Quy mô dân số dự kiến đến năm 2035: 24.900 người.
* Trung tâm của vùng là trung tâm xã Ân Nghĩa, có nhiều tiềm năng phát triển du lịch nghĩ dưỡng, du lịch cộng đồng, phát triển nông nghiệp sạch; Có nhiều tiềm năng kết nối với huyện Vĩnh Thạnh và Phù Cát.
* Định hướng phát triển chính toàn vùng:
  + Phát triển nông lâm kết hợp, trọng tâm là phát triển lâm nghiệp.
  + Phát triển các loại hình du lịch sinh thái kết hợp với trang trại gia đình, canh tác nông nghiệp; du lịch nghỉ dưỡng và văn hóa cộng đồng, hình thành trung tâm du lịch văn hóa cộng đồng tại trung tâm xã Ân Nghĩa.
  + Phát triển chăn nuôi công nghệ cao tại xã Ân Hữu.
  + Duy trì và bảo tồn không gian rừng hiện hữu tại xã Bok Tới, Ân Nghĩa.
* Định hướng phát triển khu vực nông thôn:
  + Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng trung tâm các xã Ân Sơn, Dak Mang, Ân Hữu, Bok Tới, Ân Nghĩa.
  + Bổ sung hạ tầng nông thôn toàn xã bao gồm hoàn thiện hệ thống thủy lợi, thu gom rác thải, nghĩa trang theo quy hoạch chung xã cấp nước sạch nông thôn theo hướng tập trung, sử dụng trạm cấp chính tại thị trấn Tăng Bạt Hổ, có bổ sung các trạm phụ tại các điểm dân cư trong xã.
  + Xây dựng hệ thống trường mầm non, tiểu học và THCS đạt chuẩn quốc gia.
  + Đào tạo người dân địa phường về nghiệp vụ du lịch và hướng đến một nền nông nghiệp du lịch.

# Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn vùng huyện Hoài Ân:

## *Đến năm 2030, huyện Hoài Ân có 02 đô thị loại V và 13 xã, quy mô phát triển như sau:*

* ***Đô thị Tăng Bạt Hổ:***
  + Tính chất: là thị trấn huyện lỵ huyện Hoài Ân; trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của huyện Hoài Ân.
  + Quy mô dân số: 9.500 người.
  + Quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 250 ha.
  + Quy mô đô thị: chuẩn đô thị loại V với hệ thống hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội đồng bộ.
* ***Đô thị Ân Tường Tây:***
  + Tính chất: là đô thị thương mại dịch vụ, du lịch
  + Quy mô dân số: 9.200 người.
  + Quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 250 ha.
  + Quy mô đô thị: chuẩn đô thị loại V với hệ thống hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội đồng bộ.
* ***Các xã nông thôn:***
  + Định hướng phát triển theo các đồ án quy hoạch chung xã, trong đó chú trọng các khu vực trung tâm của xã. Đô thị hóa xã Ân Mỹ với dân số khoảng 6.800 người, đất xây dựng khoảng 150 ha vào năm 2030, dần hình thành bộ mặt đô thị tại khu vực này đến cuối năm 2030 để chuẩn bị thành lập đô thị Ân Mỹ vào giai đoạn 2030 – 2035 trên cơ sở phát triển khu vực dân cư mật độ cao đã có tại khu vực Mỹ Thanh, tiếp cận trục ĐT.629 đi huyện An Lão.
  + Trung tâm các xã được quy hoạch mỗi trung tâm có quy mô diện tích 10 – 30 ha, quy mô dân số từ 2.000 - 5.000 người (tùy quy mô từng xã). Đây là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá của xã. Mỗi cụm trung tâm xã có các công trình văn hoá thể thao, các công trình hạ tầng khác như bưu điện, chợ, sân thể thao xã… được xây dựng theo quy chuẩn và được bố trí ở khu vực thuận tiện với các thôn xóm, bán kính phục vụ trong khoảng 2km, tập trung hoàn thiện hệ thống cấp nước sạch, thu gom rác thải, thu gom nước mưa tại khu vực trung tâm và số hộ có 03 công trình vệ sinh đạt chuẩn tại khu vực nông thôn đạt 100%.
  + Các tuyến dân cư tập trung phân bố theo các tuyến đường gioa thông liên xã, cần quy hoạch đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng như giao thông nông thôn, lưới điện nước, hệ thống giáo dục, hệ thống y tế, hệ thống các thiết chế văn hóa xã hội,...
  + Các điểm dân cư nông thôn được liên kết với đô thị bằng mạng lưới giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác. Xây dựng các điểm dân cư gắn với các vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp, vùng chăn nuôi, vùng cây công nghiệp.

## *Đến năm 2035, huyện Hoài Ân có 03 đô thị loại V và 12 xã, quy mô phát triển như sau:*

* ***Đô thị Tăng Bạt Hổ:***
  + Quy mô dân số: 11.000 người.
  + Quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 350 ha.
  + Quy mô đô thị: chuẩn đô thị loại V với hệ thống hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội đồng bộ.
  + Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: mật độ đường chính đô thị đạt tối thiểu 5km/km2; hệ thống cống thoát nước chính tối thiểu đạt 2,5 km.km2; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tối thiểu 15%; tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt tối thiểu 95%, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt tối thiểu 90%, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt tối thiểu 5%; diện tích cây xanh tối thiểu 8m2/người.
* ***Đô thị Ân Tường Tây:***
  + Quy mô dân số: 10.500 người.
  + Quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 300 ha.
  + Quy mô đô thị: chuẩn đô thị loại V với hệ thống hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội đồng bộ.
  + Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: mật độ đường chính đô thị đạt tối thiểu 5km/km2; hệ thống cống thoát nước chính tối thiểu đạt 2,5 km.km2; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tối thiểu 15%; tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt tối thiểu 95%, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt tối thiểu 90%, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt tối thiểu 5%; diện tích cây xanh tối thiểu 8m2/người.
* ***Đô thị Ân Mỹ:***
  + Quy mô dân số: 7.800 người.
  + Quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 250 ha.
  + Quy mô đô thị: chuẩn đô thị loại V với hệ thống hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội đồng bộ.
  + Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: mật độ đường chính đô thị đạt tối thiểu 5km/km2; hệ thống cống thoát nước chính tối thiểu đạt 2,5 km.km2; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tối thiểu 15%; tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt tối thiểu 95%, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt tối thiểu 90%, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt tối thiểu 5%; diện tích cây xanh tối thiểu 8m2/người.
* ***Các xã nông thôn:*** Hoàn thiện hệ thống hạ tầng tại các trung tâm xã, hoạt động tốt và ổn định, có duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

# Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

## 8.1. Định hướng giao thông:

## *Giao thông đối ngoại:*

* Cao tốc: Đường bộ cao tốc Bắc – Nam (CT.01), quy mô 6 làn xe. Trong đó đoạn qua địa bàn huyện Hoài Ân đi các qua xã Ân Mỹ, xã Ân Thạnh, thị trấn Tăng Bạt Hổ, xã Ân Phong và xã Ân Tường Đông.
* Đường tỉnh:
  + Đường tỉnh ĐT.629 (Bồng Sơn – An Lão): Nâng cấp, điều chỉnh kéo dài tuyến ĐT. 629 đến ranh giới tỉnh Quảng Ngãi. Đoạn qua địa bàn huyện dài 17km, đạt tối thiểu tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng. Đến năm 2040 đạt cấp III, quy mô 4 làn xe.
  + Đường tỉnh ĐT.630 (Hoài Đức – Vĩnh Kim): Nâng cấp và mở rộng tuyến hiện hữu đạt chuẩn cấp IV đồng bằng, điều chỉnh kéo dài tuyến ĐT.630 từ Bok Tới – Vĩnh Kim, xây dựng mới tuyến đường, đạt tối thiểu tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi. Đoạn qua huyện dài 30 km.
  + Đường tỉnh ĐT.638 (Chương Hòa – xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân): nâng cấp và mở rộng tuyến hiện hữu, đoạn qua địa bàn huyện dài 22km, đạt tối thiểu tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng – IV miền núi. Đến năm 2040 đạt cấp III, quy mô 4 làn xe.
  + Xây dựng mới đường tỉnh: Đường tỉnh 629B (An Lão – Bồng Sơn): Trên địa bàn huyện Hoài Ân tuyến đường tỉnh đi qua địa bàn xã Ân Hảo Đông. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, quy mô 2 làn xe. Đến năm 2040 đạt cấp III, quy mô 4 làn xe.
  + Xây dựng mới đường tỉnh: Đường tỉnh (Hoài Ân – Phù Cát): kết nối ĐT.630 và ĐT.634, dài 11km. Trên địa bàn huyện Hoài Ân tuyến đường tỉnh đi qua địa bàn xã Ân Nghĩa. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, quy mô 2 làn xe. Đến năm 2040 đạt cấp III, quy mô 4 làn xe.
  + Xây dựng mới đường tỉnh: Đường tỉnh (Hoài Nhơn – Gia Lai): Trên địa bàn huyện Hoài Ân tuyến đường tỉnh đi qua xã Ân Tín kết nối xã An Nghĩa (huyện An Lão). Đạt tối thiểu tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng – IV miền núi, quy mô 2 làn xe.

## *Giao thông vùng huyện:*

* Hoàn thiện cơ bản mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn, 100% đường huyện, đường xã được vào cấp kỹ thuật, đám ứng nhu cầu giao thông nông thôn.
* Xây dựng các tuyến đường nông thôn mới để nâng chỉ số mật độ đường giao thông nông thôn đảm bảo mức độ bao phủ đường giao thông nông thôn (đường ôtô) rộng khắp, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân và kết nối hợp lý với mạng lưới đường tỉnh và quốc lộ, đến năm 2030 mức độ bao phủ đạt 1,2 km/km2.
* Đến năm 2030 đạt 100% đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa; mặt đường 5,5m, nền đường 7,5m, hành lang an toàn 10mx2, lộ giới 28m. Đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp V đồng bằng.
  + Ngã 3 Công an – Diêu Tường – ĐT.638;
  + Ngã 3 Công an – Ngã 3 Mỹ Thành;
  + An Thường – Vạn Trung;
  + Cầu Phú Xuân (Phú Hữu) – Đak Mang;
  + Ngã 3 Kim Sơn – T6 – BokTới.
  + Đường kết nối TT. Tăng Bạt Hổ với TX. Hoài Nhơn qua cầu Phú Văn.
* Quy hoạch mới các tuyến đường:
  + Đường vành đai tránh ngập lũ cho tuyến ĐT.629 xã Ân Hảo Đông.
  + Đường phía Tây huyện từ hồ Phú Khương kết nối ĐT.638.
  + Xây dựng mới tuyến Ân Phong – Mỹ Lộc.
* Đến năm 2030 tối thiểu 70% đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa, đối với các xã đồng bằng, lộ giới 20m, đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp VI đồng bằng, đối với các xã miền núi, lộ giới 17m, đạt chuẩn tối thiểu cấp VI miền núi. Tối thiểu 70% đường thôn xóm được cứng hoá, đạt loại A trở lên; tối thiểu 70% đường trục chính nội đồng được cứng hoá.

## *Giao thông đô thị:*

* Phát triển mạng lưới giao thông đô thị hiện đại, phù hợp quy hoạch (không gian, kiến trúc đô thị, giao thông vận tải, phát triển kinh tế,...).
* Từng bước hoàn chỉnh, đồng bộ hóa các tuyến trục giao thông, nút giao thông đô thị, hiện đại hóa mạng lưới đường nội thị gắn với chỉnh trang đô thị, kết hợp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm.
* Chỉ tiêu giao thông chính: Tỷ lệ đất giao thông 18 - 20% đất xây dựng đô thị đối với đô thị loại IV, V.

## *Bến xe và giao thông công cộng:*

* Bến xe khách Hoài Ân, đạt chuẩn cấp 4, diện tích 0,4ha.
* Bến xe khách Mỹ Thành xây dựng mới, đạt chuẩn cấp 5, diện tích 0,23ha.
* Bến xe khách Kim Sơn xây dựng mới, đạt chuẩn cấp 5, diện tích 0,2ha.
* Xây dựng mới bãi đỗ xe tại các đô thị, chuyển đổi một số bến xe trong trung

tâm thành bãi đỗ xe tĩnh áp dụng công nghệ tiên tiến (bãi đỗ xe lắp ghép, cao tầng, ngầm,...)

* Tuyến T13: Bệnh viện Bồng Sơn - thị trấn An Lão, hiện đang khai thác, dài 37km.
* Tuyến T18 dự kiến: Nhơn Tân – Ngã ba Chương Hòa (ĐT.639B), dài 130km.
* Tuyến T27 dự kiến: Hoài Ân - Bồng Sơn, dài 29,7km.
* Đề xuất trong tương lai khi hình thành đoạn mới ĐT.630 đi Hoài Ân – An Lão, Hoài Ân – Vĩnh Thạnh cần bổ sung thêm tuyến xe buýt trên lộ trình này.

## *Cầu kết nối:*

* Nâng cấp và cải tạo cầu Thanh Lương.
* Xây dựng mới cầu Phú Thuận, cầu Mỹ Thành 2, Bà Cương, Đại Đinh, Gò Dũng.
* Xây dựng mới 2 cầu trên trục điều chỉnh hướng tuyến ĐT.638.

## 8.3. Định hướng cấp nước

## *Tổng nhu cầu cấp nước toàn huyện*: Đến năm 2030 khoảng 12.300m3/ngày.đêm; đến năm 2035 khoảng 14.800 m3/ngày.đêm.

## *Nguồn cấp nước chính*

* Thị trấn Tăng Bạt Hổ và cụm công nghiệp: tiếp nhận nước từ nhà máy nước Tăng Bạt Hổ. Trong tương lai cần nâng công suất của nhà máy nước này lên 3.000m3/ngđ.
* Đô thị Ân Tường Tây: nhận nước từ nhà máy cấp nước Ân Tường Tây với công suất 600 m3/ngày. Nâng cấp công suất của nhà máy này lên 1.500 m3/ngđ vào năm 2030.
* Khu vực đô thị Ân Mỹ nhận nước từ nhà máy cấp nước Lại Giang với công suất 10.750 m3/ngày. Trong tương lai nâng cấp công suất của nhà máy này lên 25.500 m3/ngđ vào năm 2030.
* Tại các xã còn lại: Đầu tư xây dựng các trạm cấp nước cục bộ khai thác nguồn nước ngầm, nước suối, đồng thời liên kết một số khu dân cư đầu tư xây dựng các trạm cấp nước tập trung, xây dựng bể chứa công cộng để đáp ứng nhu cầu sử dụng

sinh hoạt của dân cư.

## 8.4. Định hướng cấp điện

* Tổng công suất điện yêu cầu của vùng huyện đến năm 2035 là 77,7 MW.
* Hiện tại khu quy hoạch được cấp điện từ trạm biến áp 110kV Hoài Nhơn công suất 110/35/22kV-2x25MVA. Nguồn cấp điện cho trạm điện được cấp từ thủy điện Vĩnh Sơn với đường dây 110kV đi qua huyện.
* Căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035, dự kiến giai đoạn 2021 – 2025 Xây dựng mới trạm nâng áp NMTĐ Nước Lương công suất 2x12,5MVA – 10/110KV.
* Ngoài hệ thống điện hiện có phát triển thêm thủy điện gồm: Thủy điện Nước Lương xã Dak Mang, huyện Hoài Ân công suất 22 MW; thủy điện Vạn Hội xã Ân Tín, huyện Hoài Ân công suất 1,25 MW.

## 8.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

## *Thoát nước thải*

* Quy hoạch hệ thống thoát nước thải nửa riêng cho khu vực đô thị cải tạo, tổ chức đi riêng hoàn toàn đối với các khu vực đô thị và các CCN xây dựng mới; các khu dân cư thuộc xã tổ chức hệ thống thoát nước chung;
* Tại các đô thị và các CCN quy hoạch hệ thống trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo quy mô công suất theo nhu cầu phát triển đô thị và sản xuất công nghiệp. Vị trí, quy mô công suất và hệ thống mạng lưới thoát nước thải sẽ xác định cụ thể theo quy hoạch xây dựng tiếp theo được phê duyệt.

## *Vệ sinh môi trường - chất thải rắn (CTR)*

* Đến năm 2035, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 111,62 tấn/ngày; chất thải rắn công nghiệp khoảng 17,76 tấn/ngày.
* Các đô thị, xã bố trí các điểm tập kết với quy mô diện tích 1.000 m2 với đầy đủ các giải pháp xử lý môi trường theo quy định và đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường. Rác thải sau khi thu gom sẽ đưa về nhà máy xử lý CTR khu vực phía Bắc tỉnh công nghệ xử lý điện rác vùng tại thị xã Hoài Nhơn.

## *Nghĩa trang*

* Giai đoạn ngắn hạn: sử dụng hết quỹ đất, tiến tới đóng cửa các nghĩa trang rải rác, nhỏ lẻ trong khu dân cư. Trong tương lai cần có kế hoạch trồng cây xanh cách ly, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho các khu vực này.
* Giai đoạn dài hạn:
  + Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân hiện hữu đặt tại thị trấn Tăng Bạt Hổ với quy mô 3,0 ha để giải quyết vấn đề mai táng cho người dân.
  + Đối với các xã còn lại, do yếu tố địa hình và dân cư phân bố rải rác nên vẫn sử dụng nghĩa trang tập trung theo quy hoạch nông thôn mới của xã.
* Các loại nghĩa trang phải đảm bảo thuận lợi cho việc thăm viếng, chăm sóc phần mộ, hài cốt của thân nhân người quá cố. Khu đất dự phòng của nghĩa trang phải rộng để có thể mở rộng và đáp ứng nhu cầu chôn cất sau 20 - 50 năm hoặc lâu hơn nữa.
* Khoảng cách tối thiểu từ nghĩa trang tới điểm dân cư gần nhất là 500m, đến công trình khai thác nước tập trung là 1.000 m, tới mép nước các thủy vực lớn là 500m.

| **Stt** | **Xã, thị trấn** | **Quy mô (ha)** |
| --- | --- | --- |
| 1 | TT. Tăng Bạt Hổ | - Định hướng quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân hiện hữu với quy mô 3,0 ha. |
| 2 | Xã Ân Hảo Tây | - Định hướng quy hoạch mở rộng nghĩa trang với quy mô 12,0 ha. |
| 3 | Xã Ân Tường Tây | - Định hướng quy hoạch 02 nghĩa trang: 1 nghĩa trang tại thôn Phú Hữu 1 tổng diện tích 1,5 ha, 1 nghĩa trang tại thôn Tân Thịnh tổng diện tích 2 ha.  - Mở rộng nghĩa trang thôn Tân Thạnh thêm 1,43ha, mở rộng nghĩa trang thôn Phú Hữu 2 thêm 1,53ha, mở rộng nghĩa trang liệt sỹ xã 0,76 ha. |
| 4 | Xã Ân Hữu | - Định hướng quy hoạch mở rộng nghĩa trang với quy mô 2,8 ha |
| 5 | Xã Ân Nghĩa | - Định hướng quy hoạch 01 nghĩa trang tại thôn Nghĩa Nhơn với tổng diện tích 1,65ha.  - Mở rộng nghĩa trang thôn Kim Sơn thêm 1,0ha. |

# Định hướng phát triển các ngành

## *Ngành thương mại – dịch vụ*

* Phát triển thương mại theo hướng hiện đại dựa trên các cơ cấu ngành hợp lý với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Trên cơ sở đó, nâng cao vai trò của ngành thương mại trong việc gia tăng giá trị đóng góp vào GRDP của huyện; thu hút lao động xã hội, tạo việc làm mới; kết nối sản xuất và tiêu dùng, điều khiển và dẫn dắt sản xuất định hướng theo nhu cầu thị trường; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.
* Phát triển mạnh lĩnh vực thương mại điện tử của huyện, đưa thương mại điện tử trở thành hoạt động được sử dụng, ứng dụng phổ biến trong các cơ quan quản lý nhà nước và đại bộ phận các doanh nghiệp trong huyện; góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước; nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh của huyện; thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; tham gia vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
* Tiếp tục đầu tư, nâng cấp chợ Mộc Bài trở thành trung tâm thương mại theo hướng văn minh, hiện đại và các chợ ở một số xã miền núi. Đẩy nhanh xây dựng và phát triển trung tâm thương mại Đồng Cỏ Hôi (thị trấn Tăng Bạt Hổ). Xây dựng 03 siêu thị tại thị trấn Tăng Bạt Hổ. Nâng cấp, mở rộng các chợ theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới; tiếp tục khuyến khích mở rộng, đa dạng hóa các chủng loại hàng hóa và các điểm tiêu thụ nông sản; củng cố, giữ vững thị trường hiện có, khai thác thị trường mới, mở rộng thị trường nông thôn để phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Giữ vững và nâng cao chất lượng các nhãn hiệu sản phẩm nông nghiệp đã được công nhận, đồng thời tiếp tục đăng ký công nhận nhãn hiệu các sản phẩm mới có thế mạnh và mang tính đặc trưng của địa phương. Nâng cao chất lượng, quy mô và hiệu quả hoạt động của các loại dịch vụ, chú trọng phát triển dịch vụ tín dụng, vận tải, bưu chính viễn thông, ngân hàng, tin học, y tế.
* Tiếp tục phát triển mạng lưới bưu chính, viễn thông; dịch vụ bảo hiểm, ngân hàng, nâng cao chất lượng phục vụ, phát triển hệ thống chi nhánh đến tận cơ sở. Phát huy nội lực, củng cố các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động đúng luật, đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường, kinh doanh dịch vụ hiệu quả.
* Khuyến khích phát triển đa dạng các ngành nghề, hình thức kinh doanh. Đề xuất hoặc ban hành các chính sách ưu tiên, ưu đãi thu hút các doanh nghiệp, đặc biệt là các hãng kinh doanh lớn, có thương hiệu.
* Hình thành trung tâm bán buôn hàng công nghiệp tiêu dùng, hàng tư liệu sản xuất, nông sản, thủy sản; ưu tiên bố trí, phân bổ đầu tư công phát triển các chợ truyền thống mang tính văn hóa cần bảo tồn.
* Khu vực nông thôn: Cải tạo nâng cấp các chợ truyền thống hiện có tại các xã, chú trọng mở rộng các khu vực thu mua nông sản. Hình thành mạng lưới trung tâm mua sắm thương mại, dịch vụ tổng hợp, hợp tác xã thương mại, chợ bản lẻ, cửa hàng tiện lợi và cửa hàng tạp hóa.
* Tăng cường thông tin thị trường, quảng bá tiềm năng du lịch của huyện và khai thác du lịch truyền thống, di tích lịch sử, du lịch sinh thái để thu hút khách tham quan. Xây dựng một số mô hình làng nghề truyền thống, gắn với khôi phục các làng nghề và các khu sinh hoạt giải trí khác để thu hút khách du lịch. Xây dựng các điểm du lịch sinh thái, gắn với các vườn cây ăn quả sản xuất theo hướng hữu cơ tại các xã có tiềm năng.

## *Phát triển du lịch*

* Định hướng phát triển du lịch của huyện Hoài Ân
* Tập trung phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở phát huy tiềm năng thế mạnh về tài nguyên du lịch, đưa du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế trọng điểm của huyện, từng bước khẳng định Hoài Ân là một trong những điểm đến du lịch của tỉnh với các loại hình du lịch chủ yếu: Du lịch trải nghiệm, tham quan các di tích lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái,...
* Phát triển du lịch dựa trên khai thác giá trị nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là phát triển du lịch gắn với bảo tồn, quy hoạch làng nghề dệt thổ cẩm ở xã Dak Mang nhằm phát triển làng nghề truyền thống tại địa phương; sản phẩm du lịch văn hóa cộng đồng; mô hình liên kết chuỗi du lịch - nông nghiệp; kết nối giữa làng nghề với lễ hội và di tích lịch sử, hình thành các tour du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm,...
* Nguồn lực đầu tư phát triển du lịch được tận dụng và lồng ghép trong các dự án đầu tư, các chương trình mục tiêu để giảm chi phí và tăng hiệu quả chung.
* Thực hiện thí điểm phát triển du lịch tại một số cụm du lịch; qua đó, rút kinh nghiệm và dần mở rộng quy mô thực hiện tại các địa điểm khác trong toàn huyện.
* Tập trung rà soát xây dựng đề án, tích hợp quy hoạch các khu đủ điều kiện phát triển mô hình du lịch làng nghề truyền thống gắn với du lịch trong xây dựng nông thôn mới để thu hút đầu tư. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kiến thức, kinh nghiệm về phát triển du lịch gắn với nông thôn mới;
* Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; đa dạng các sản phẩm du lịch; tạo thương hiệu cho các sản phẩm du lịch sinh thái, lịch sử, văn hóa - lễ hội tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch của huyện; hình thành các tour du lịch trên địa bàn huyện như tuyến du lịch trải nghiệm Lộc Giang ⭢ Tân Thạnh ⭢ Phú Văn 2 ⭢ Dak Mang,…; liên kết hợp tác với các huyện lân cận, đặc biệt là thị xã Hoài Nhơn, huyện An Lão trong phát triển du lịch và hình thành các tour du lịch liên vùng.
* Đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm tạo động lực thu hút các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các lĩnh vực như: Khách sạn, nhà hàng; phát triển các dịch vụ vui chơi giải trí; mở thêm các tour du lịch hấp dẫn nhằm thu hút và kéo dài thời gian lưu trú của du khách.
* Tiếp tục đầu tư, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng, văn hóa, xây dựng các sản phẩm du lịch đặc sắc.
* **Quy hoạch hệ thống các điểm du lịch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch**
* Phát triển du lịch sinh thái gắn với các di tích lịch sử và bản sắc văn hóa dân tộc là tiềm năng phát triển lâu dài cho kinh tế huyện; mở rộng quy hoạch, kêu gọi xúc tiến đầu tư phát triển các điểm di tích lịch sử đền thờ Tăng Bạt Hổ, khu di tích lịch sử Núi Chéo, di tích Căn cứ Khu uỷ Khu V, di tích 3 Rừng Bà Bơi nơi thành lập Sư đoàn 3 (Bok Tới); di tích nơi thành lập Chi bộ Vạn Đức (Ân Tín), di tích lịch sử Cầu Bến Muồng, di tích chiến thắng Đồi 174 (Ân Mỹ); Những danh lam, thắng cảnh như Suối Bà Nhỏ, thác Đá Vàng (Ân Hảo Đông); thác Đổ Tân Xuân (Ân Hảo Tây); thác Đổ Nghĩa Điền (Ân Nghĩa); thác Gọp Thang, Suối Lau, Mò O (Ân Sơn), thác Hóc Đèn (Ân Mỹ),... hồ Thạch Khê (Ân Tường Đông); hồ Vạn Hội (Ân Tín),… Quy hoạch, phát triển làng nghề ươm tơ, dệt lụa, đan lát, dệt thổ cẩm, nón lá phục vụ khách du lịch. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh, dịch vụ đúng pháp luật, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường.
* Đào tạo nghiệp vụ ban đầu cho các hộ dân phát triển du lịch cộng đồng để phát triển loại hình du lịch này.
* Định hướng khai thác bảo tồn và thực hiện các loại hình du lịch như sau:
  + (1) Du lịch tham quan, trải nghiệm các giá trị văn hóa lịch sử: Trải nghiệm các giá trị lịch sử di tích Núi Chéo, Bia di tích LK5, đền Tăng Bạt Hổ, khu tưởng niệm Đồi Xuân Sơn,...
  + (2) Du lịch trải nghiệm: tổ chức các địa điểm du lịch cộng đồng kết hợp trang trại canh tác nông nghiệp đặc trưng, nông nghiệp hữu cơ, khám phá văn hóa, đặc sản địa phương khu du lịch sinh thái nông trại – bưởi da xanh, đồi chè Gò Loi.
  + (3) Du lịch sinh thái: khai thác cảnh quan xây dựng các khu du lịch hồ Vạn Hội, thác Đổ Nghĩa Điền; hồ sinh thái Đồng Bàu Đưng, hồ Thạch Khê,...
* Nâng cấp cơ sở hạ tầng: cải tạo cảnh quan; làm sạch môi trường; bổ sung các khu dịch vụ hỗ trợ phát triển du lịch tại điểm du lịch, tuyến du lịch trên địa bàn huyện; quy hoạch làng nghề dệt thổ cẩm tại xã Dak Mang và nâng cấp các tuyến đường tiếp cận nhằm khôi phục hoạt động dệt thổ cẩm; phát triển các cơ sở ẩm thực trải nghiệm, đặc sản địa phương, đề xuất các sản phẩm OCOP; kết hợp bảo vệ môi trường.
* Kêu gọi đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, các khu đón tiếp, trưng bày, trình diễn nông nghiệp, lưu trú chuyên nghiệp hoặc hình thức lưu trú trong cộng đồng.
* Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các hộ dân trồng rau tham gia hướng dẫn khách du lịch hoạt động trải nghiệm tại các hộ trồng rau VietGrap, các vườn trái cây. Tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng về du lịch cho cán bộ địa phương, các hộ dân.

## *Phát triển ngành công nghiệp*

* Chú trọng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề theo hướng sử dụng hợp lý tài nguyên sẵn có, khai thác có hiệu quả thế mạnh của địa phương; mời gọi đầu tư, phát triển công nghiệp gắn với nguồn nguyên liệu là rừng gỗ lớn, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến hàng hóa nông, lâm sản, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh CCN Dốc Truông Sỏi, CCN Du Tự, CCN Gò Bằng (xã Ân Mỹ) để có thể thu hút nhà đầu tư thứ cấp phát triển triển sản xuất. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với trình độ, khả năng về vốn, kỹ thuật và lao động địa phương nhằm giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Đến năm 2030 phấn đấu có 100% doanh nghiệp tại cụm công nghiệp hoạt động hiệu quả. Quy hoạch, phát triển các làng nghề làng nghề ươm tơ, dệt lụa, đan lát, dệt thổ cẩm, nón lá,… nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập vùng nông thôn, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.
* Các ngành công nghiệp ưu tiên thu hút đầu tư:
  + Khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng;
  + Công nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
  + Các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động;
  + Công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu;
  + Công nghiệp chế biến sâu nông, lâm sản (chế biến gỗ), thực phẩm;
  + Khuyến khích phát triển các nghề thủ công mỹ nghệ, nghề truyền thống.
* Phát triển trung tâm thương mại, siêu thị cấp tiểu vùng, trung tâm dịch vụ hỗ trợ nông, lâm nghiệp. Xây dựng các điểm phân phối thông qua chợ, trung tâm thương mại, hổ trợ giai đoạn sau thu hoạch và tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi đã qua chế biến, sơ chế.
* Xây dựng khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

# Quy hoạch sản xuất: các vùng sản xuất nông nghiệp chính gồm:

* Vùng I: Vùng đất bằng phía Đông huyện, nằm dọc 2 bên sông An Lão, sông Kim Sơn và các nhánh của sông An Lão, Kim Sơn, gồm phần đất thuộc các xã Ân Tường Tây, Ân Tường Đông, Ân Đức, Ân Phong, Ân Thạnh, Ân Hảo Đông, Ân Hảo Tây, Ân Tín, Ân Mỹ, TT Tăng Bạt Hổ. Đây là vùng sản xuất nông nghiệp chính của huyện. Các sản phẩm nông nghiệp chính gồm lúa, ngô, dâu tằm, bưởi, rau, đậu các loại,…; phát triển chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp.
* Vùng II: Nằm phía Tây huyện gồm các xã Ân Sơn, Dak Mang, Ân Hữu, Bok Tới và Ân Nghĩa; bảo vệ diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, phát triển chăn nuôi heo, bò,... ứng dụng công nghệ cao; phát triển du lịch trải nghiệm, nghỉ dưỡng, thám hiểm rừng, khám phá thiên nhiên.
* Tổng diện tích lúa đạt 4.272 ha với diện tích gieo trồng 8.000 ha, diện tích cây ăn quả khoảng 2.500ha.
* Tận dụng mặt nước các hồ thủy lợi, phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

# KẾT LUẬN

* Đồ án quy hoạch xây dựng quy hoạch vùng huyện Hoài Ân được nghiên cứu theo phương pháp luận bắt đầu từ việc xây dựng bối cảnh phát triển, sử dụng các công cụ như phân tích SWOT, phân tích các vấn đề để xác định tầm nhìn, mục tiêu phát triển chiến lược toàn vùng, định hướng các hoạt động nghiên cứu chi tiết trong giai đoạn tiếp theo.
* Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoài Ân đã đưa ra được những đề xuất quan trọng về: Tầm nhìn và mục tiêu chiến lược phát triển vùng; mô hình phát triển vùng; định hướng phát triển không gian vùng (đô thị, công nghiệp, du lịch, nông nghiệp, sinh thái cảnh quan,…); định hướng phát triển hệ thống đô thị - điểm dân cư nông thôn; định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, kỹ thuật; đề xuất các chương trình dự án chiến lược; đề xuất về thể chế quản lý phát triển vùng.

# KIẾN NGHỊ

* Những định hướng đề xuất trong quy hoạch vùng về tổng thể không gian xây dựng trên địa bàn toàn huyện đã theo hướng nghiên cứu tiếp cận lồng ghép các định hướng chuyên ngành, do vậy sau khi được UBND tỉnh phê duyệt cần xem đây là một cơ sở có tính pháp lý để tiến hành các quy hoạch khác cũng như quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng và quản lý đất đai, phát triển dân cư - đô thị,... một cách thống nhất trên địa bàn, giảm các chồng chéo, các xung đột trong phát triển nội vùng, đặc biệt trong công tác quy hoạch.
* Những nội dung lớn cần rà soát điều chỉnh để có một qui hoạch tổng thể hoàn thiện gồm:
  + Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung;
  + Phát triển đô thị và đô thị mới;
  + Bảo vệ môi trường, nguồn nước;
  + Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng bền vững.

**PHỤ LỤC**

# Kế hoạch, chương trình phát triển vùng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kế hoạch** | **Chiến lược phát triển vùng** | **Chương trình** |
| Thúc đẩy phát triển kinh tế toàn vùng thông qua chiến lược phát triển hạ tầng diện rộng và xuyên suốt  **(ĐẾN 2035)** | Phát triển đô thị và nông thôn | Phát triển các vùng đô thị, nông thôn dọc ĐT.629, ĐT. 630, ĐT. 638. |
| Phát triển các vùng nông nghiệp công nghệ cao, vùng du lịch. |
| Phát triển các vùng cảnh quan, du lịch, kinh tế rừng gắn liền với nông trại, gia trại. |
| Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến lâm sản, chăn nuôi gia súc… |
| Phát triển các tuyến các tuyến đường chính liên kết vùng | Xây dựng tuyến ĐT.630 kết nối về Vĩnh Thạnh. |
| Xây dựng tuyến kết nối ở khu vực phía Bắc Bình Định về An Lão và tuyến kết nối phía Nam Bình Định về Phù Cát. |
| Nâng cấp làm mới các tuyến đường huyện, tuyến giao thông tránh đô thị và hạ tầng kỹ thuật đi kèm. |
| Phát triển giao thông công cộng | Phát triển vận tải hành khách công cộng, hình thành rõ nét luồng di chuyển Hoài Ân – Phù Mỹ, Hoài Ân – An Lão, Hoài Ân – Vĩnh Thạnh, Hoài Ân – Hoài Nhơn, Hoài Ân – Phù Cát. |
| Xây dựng các đầu mối giao thông liên kết các loại phương tiện giao thông bến xe buýt phục vụ đi lại của người dân và du khách tại khu vực Kim Sơn và Mỹ Thành. |
| Phát triển các công trình dịch vụ cấp vùng | Xây dựng các trung tâm giáo dục cấp vùng huyện, tăng cường hướng nghiệp ngắn hạn, chuyển đổi kịp thời cơ cấu lao động. |
| Xây dựng trung tâm thương mại tại thị trấn Tăng Bạt Hổ |
| Các dự án chỉnh trang đô thị | Lập quy chế quản lý vùng, lập quy hoạch chung xây dựng đô thị Tăng Bạt hổ theo hướng đạt chuẩn đô thị loại V. |
| Lập đề án công nhận Ân Tường Tây, Ân Mỹ đạt chuẩn đô thị loại V. |
| Cải thiện môi trường đô thị | Chương trình cải tạo và nâng cấp đô thị. |
| Khu xử lý thu gom rác toàn vùng. |
| Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững  **(ĐẾN 2035)** | Bảo vệ nguồn nước | Cải tạo hồ đập, tăng cường độ che phủ rừng đầu nguồn và thảm thực vật, chống xói lở. |
| Đa dạng hóa loại hình rừng nguyên liệu tránh suy giảm nguồn nước. |
| Bảo vệ rừng cảnh quan | Chương trình quốc gia bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. |

# Các dự án ưu tiên đầu tư

* Các nội dung nghiên cứu của đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện và Quy hoạch tỉnh Bình Định hiện đang lập, trình phê duyệt đề xuất thêm các nội dung ưu tiên đầu tư đến năm 2030 như sau:

| **TT** | **Tên dự án** | **Tổng mức đầu tư**  **(tỷ đồng)** | **Nguồn vốn** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lĩnh vực giao thông** | **1.903** |  |
| 1 | Đường Vĩnh Thạnh – Hoài Ân – Gia Lai (từ ĐT.630 tại Ân Tường Tây kết nối vào ĐT.637 tại Vĩnh Thạnh và kết nối về ĐT.669 tại KBang) | 1.490 | NS tỉnh |
| 2 | Nâng cấp, cải tạo đường Ân Hữu đi Dak Mang | 18 | NS huyện |
| 3 | Nâng cấp, mở rộng ĐT.630 (Ân Phong đi Ân Tường Tây) | 40 | NS tỉnh + huyện |
| 4 | Nâng cấp mở rộng đường An Lão – Hoài Ân | 30 | NS tỉnh + huyện |
| 5 | Đường vành đai tránh ngập lũ cho tuyến ĐT.629 xã Ân Hảo Đông | 56 | NS tỉnh |
| 6 | Xây dựng mới, nâng cấp các cầu Đại Định, cầu Gò Dũng, cầu Bà Cương, cầu Mỹ Thành, cầu Phú Thuận, cầu Thanh Lương | 165 | NS tỉnh + huyện |
| 7 | Bê tông nhựa các tuyến đường trung tâm thị trấn Tăng Bạt Hổ | 14 | NS tỉnh + huyện |
| 8 | Xây mới đường huyện từ xã Ân Tường Đông đi xã Mỹ Lộc, huyện Phù Mỹ kết nối QL.1 | 50 | NS tỉnh |
| 9 | Nâng cấp, mở rộng đường Tây tỉnh ĐT.638 | 40 | NS tỉnh |
| **II** | **Lĩnh vực hạ tầng xã hội** | **122** |  |
| 10 | Nâng cấp trụ sở UBND huyện | 5 | NS tỉnh + huyện |
| 11 | Xây dựng, nâng cấp trạm y tế các xã Ân Hảo Tây, Ân Sơn, Ân Mỹ, Dak Mang, Ân Thạnh, Ân Phong, Ân Đức, Ân Hữu, Bok Tới, Ân Tường Đông | 10 | NS huyện |
| 12 | Nâng cấp quảng trường 19 tháng 4 | 2 | NS tỉnh + huyện |
| 13 | Xây dựng trung tâm thương mại tại TT. Tăng Bạt hổ | 30 | Xã hội hóa |
| 14 | Trường THCS Ân Phong đạt chuẩn | 35 | NS tỉnh + huyện |
| 15 | Xây dựng sân thể dục thể thao tại thị trấn | 20 | NS tỉnh + huyện |
| 16 | Xây dựng công viên, phố đi bộ Đồng Cỏ Hôi | 10 | NS tỉnh + huyện |
| 17 | Nâng cấp trung tâm y tế huyện Hoài Ân | 10 | NS tỉnh |
| **III** | **Lĩnh vực hạ tầng khác** | **116** |  |
| 18 | Trạm trung chuyển rác tại xã Ân Tường Đông | 3 | NS huyện |
| 19 | Lò đốt rác sinh hoạt huyện tại thị trấn Tăng Bạt Hổ | 2 | NS huyện |
| 20 | Kênh thoát nước KDC Đồng Cỏ Hôi | 7 | NS huyện |
| 21 | Nghĩa trang nhân dân huyện | 10 | NS tỉnh + huyện |
| 22 | Bảo đảm an toàn hồ chứa (Hồ Chuối, Hóc Cau, Bè Né, Hóc Sim, Hóc Dài) | 69 | NS tỉnh |
| 23 | Xử lý thoát nước chống ngập tuyến ĐT.629 tại thôn Vạn Hòa, xã Ân Hảo Đông | 25 | NS tỉnh |
| 24 | Dự án Làng Hòa bình Việt Nam – Hàn Quốc (KVPVP) tỉnh Bình Định (xã Ân Tường Đông, Dak Mang, Ân Phong) |  | NS tỉnh/ xã hội hóa |
| **IV** | **Đề án phát triển đô thị** | **13** |  |
| 25 | Lâp quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Tăng Bạt Hổ | 1 | NS huyện |
| 26 | Lập đề án phát triển đô thị Ân Tường Tây đến năm 2030 | 3 | NS huyện |
| 27 | Lập đề án phát triển đô thị Ân Mỹ đến năm 2035 | 3 | NS huyện |
| 28 | Lập quy hoạch chung các xã trên địa bàn | 6 | NS huyện |
| 29 | Dự án tái định cư vùng thiên tai |  | NS tỉnh/ Xã hội hóa |
| 30 | Dự án khu đô thị thương mại dịch vụ Hội Yên (Mõm Nhái) |  | Xã hội hóa |
| 31 | Dự án làng nghề dệt thổ cẩm tại xã Dak Mang |  | Xã hội hóa |